

MÁY RADAR MDC 2000 SERIES

1. Thông số kỹ thuật:

1.1- Anten radar:



Cánh quét



Cánh tròn

Kiểu máy	MDC-2041	MDC-2040		MDC-2060		MDC-2010	
Loại bộ quét	RB715A	RB716A		RB717A		RB718A	
Loại anten	Cánh tròn	Cánh quét					
Đường kính cách quét hay cánh tròn	0.61m	0.91m	1.22m	1.22m	1.83m	1.22m	1.83m
Công suất phát (tối đa)	4kW			6kW		12kW	
Tần số phát	9410 MHz \pm 30 MHz						
Búp phát ngang	3.9 ⁰	2.5 ⁰	1.8 ⁰	1.8 ⁰	1.2 ⁰	1.8 ⁰	1.2 ⁰
Búp phát đứng	25 ⁰	22 ⁰					
Tốc độ quay	24vòng/phút hay 48vòng/phút						
Độ chính xác thang đo	8m hay 1% thang đo đang dùng						
Độ chính xác	1 ⁰ hay nhỏ hơn						

phương vị	
Khoảng cách phát hiện nhỏ nhất	Trong phạm vi 25m
Độ phân giải thang đo	Trong phạm vi 25m
Độ rộng xung	0.08 us, 0.15 us, 0.3 us , 0.5 us, 1 us

- Điều kiện môi trường:

Nhiệt độ	-25 ⁰ C đến +55 ⁰ C
Tiêu chuẩn chống thấm	IPX6

1.2- Màn hình:



Kiểu máy	MDC-2041	MDC-2040	MDC-2060	MDC-2010
Thang đo	0.0625 đến 32 hải lý	0.0625 đến 48 hải lý	0.0625 đến 64 hải lý	0.0625 đến 72 hải lý

Kích thước và loại màn hình	10.4inch màu TFT LCD									
Đường kính hiệu dụng	157.4 mm									
Độ phân giải màn hình	480 x 640 điểm ảnh (VGA)									
Chế độ lệch tâm	Lớn nhất 66%									
Vùng hiển thị	2 loại (cả màn hình, bên trong đường kính hiệu dụng)									
Chế độ hiển thị	Hướng mũi tàu, hướng bắc thật [*] , hướng chạy tàu [*] , điểm chuyển hướng ^{**}									
Kiểu hiển thị	PPI, PPI/PPI, PPI/NAV									
Thang khoảng cách	0.0625	0.125	0.25	0.5	0.75	1	1.5	2	3	4
	6	8	12	16	24	32	48	64	72	
Vòng cự ly cố định	0.03125 (0.0625)	0.0625 (0.125)	0.125 (0.25; 0.5)	0.25 (0.75; 1)	0.5 (1.5; 2)	0.75 (3)			1 (4)	1.5 (6)
	2 (8)	3 (12)	4 (16)	6 (24)	8 (32)	12 (48)			16 (64)	18 (72)
	(): thang khoảng cách									
Mức VIDEO	8 mức (màu)									
Đơn vị khoảng cách	Hải lý - NM, km, Mét - m									
Báo động	Âm thanh (trong/ngoài), ATA: trợ giúp theo dõi mục tiêu (CPA: khoảng cách tiếp cận gần nhất / TCPA: thời gian tiếp cận gần nhất), ...									
Chức năng	Khử nhiễu, phóng đại mục tiêu, vòng cự ly di động (VRM), phương vị di động (EBL) (hiển thị chuyển động thật [*] / hiển thị chuyển động tương đối), vị trí con trỏ chuột (vĩ độ / kinh độ) ^{***} , hiển thị đường song song, phương vị (hiển thị chuyển động thật [*] / hiển thị chuyển động tương đối), hiển thị vết ^{***} , đầu ra màn hình RGB, đầu vào/ ra bộ hiển thị truy theo, đầu ra báo động ngoài, lắp đặt camera CCD, ...									
Định dạng dữ	NMEA 0183 (Ver. 1.5/2.0/3.0) BEC, BWC, BWR, DPT, DBT, GGA, GLL, GNS, HDG,HDM, HDT,									

liệu và câu chữ vào	MTW, MWD, MWV, RMA, RMB, RMC, VHW, VTG, XTE			
Định dạng dữ liệu và câu chữ ra	NMEA 0183 (Ver. 2.0) TTM, TLL			
Cổng NMEA	2 (cổng vào/ 2 cổng ra)			
ATA ^{***} (trợ giúp theo dõi tự động)	50 mục tiêu (tùy chọn)			
Hiển thị nhận dạng tự động AIS ^{***}	100 mục tiêu (tùy chọn)			
Nguồn cung cấp	10.8 đến 31.2 VDC			
Công suất tiêu thụ (ở 24 VDC)	65 W hay nhỏ hơn	80 W hay nhỏ hơn	110 W hay nhỏ hơn	130 W hay nhỏ hơn

- Điều kiện môi trường:

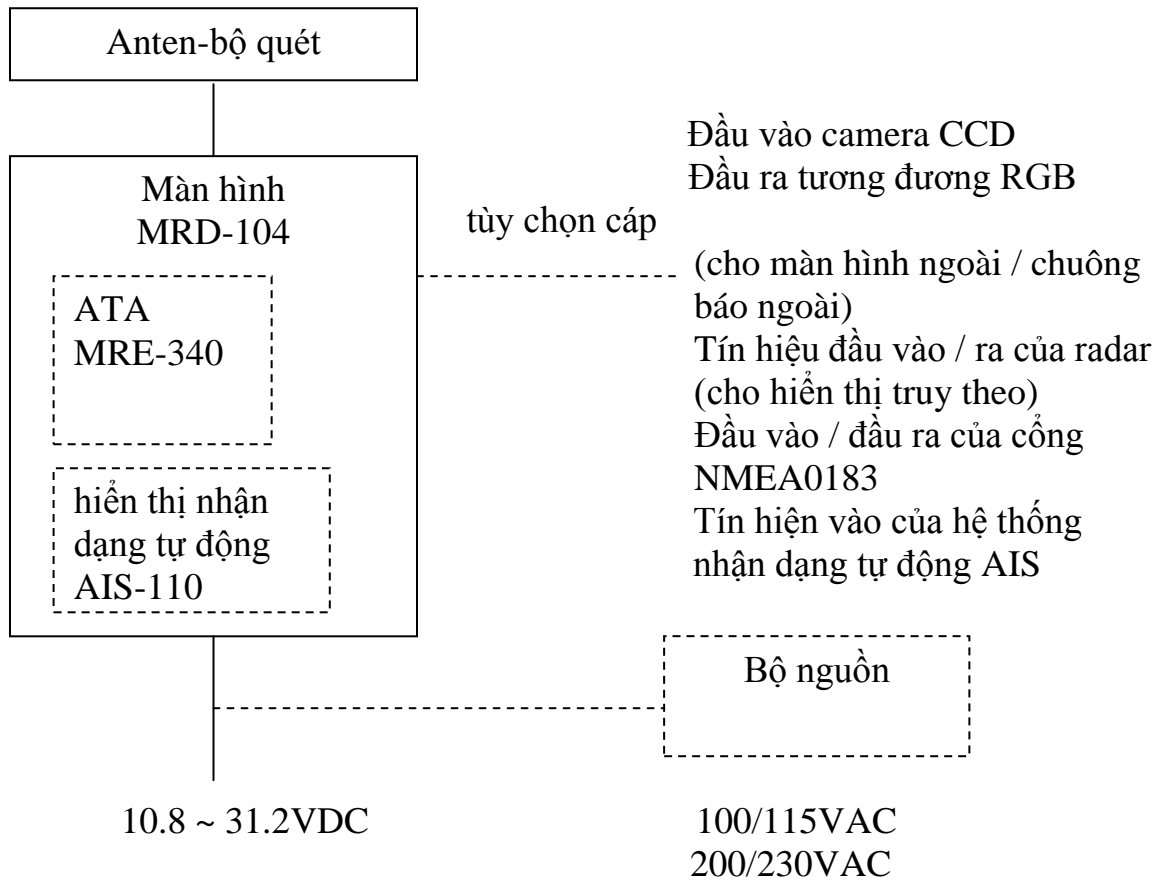
Nhiệt độ	-25 ⁰ C đến +55 ⁰ C		
Tiêu chuẩn chống thấm	CFR-46	IPX6	IPX6

* Yêu cầu dữ liệu phương vị vào.

** Yêu cầu dữ liệu điểm chuyển hướng vào.

*** Yêu cầu dữ liệu phương vị, dữ liệu tốc độ tàu và dữ liệu kinh độ / vĩ độ vào.

1.3- Kết nối:

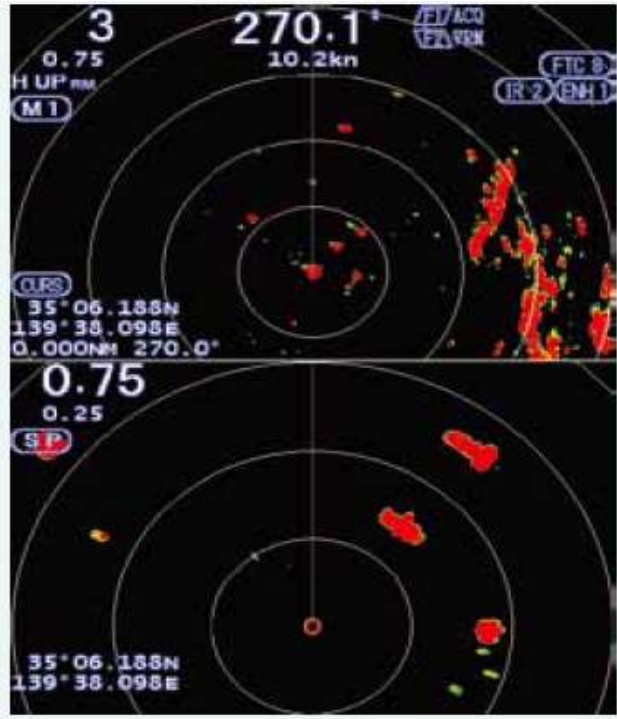


Chọn cáp, hãy liên lạc với nhà cung cấp gần bạn nhất
Đường dây cứng: theo phương pháp chuẩn và kết nối
Đường dây mềm: tùy chọn phương pháp tùy chọn và kết nối

2. Tính năng:

2.1 Hiển thị hai thang đo cùng lúc:

- Đây là chức năng ưu việt chỉ có ở radar **KODEN**.
- Không những hiển thị hai thang đo mà bạn còn quan sát được mục tiêu ở thang đo gần và thang đo xa cùng lúc, giống như có hai radar cùng lúc.



2.2 Tính năng lưu vết thật:

- Màn hình hiển thị một cách chính xác sự dịch chuyển của các tàu khác bằng cách vẽ vết của chúng, các vật thể cố định như mặt đất và các phao được hiển thị trên màn hình thì không thay đổi khi tàu đang dịch chuyển. Tính năng này giúp chúng ta dễ dàng nhận dạng các vật thể cố định và vật thể di động.

